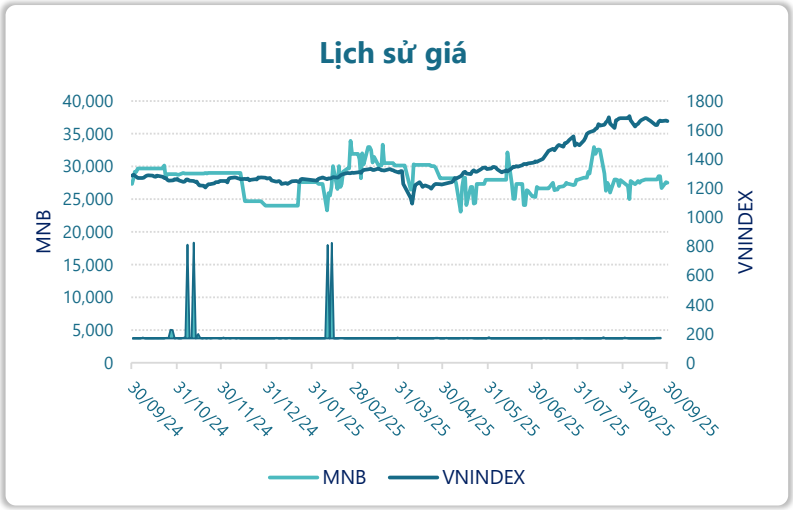
FireAnt

Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP (UPCOM: MNB)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**27,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,919
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,084
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,240
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	550
P/E	4.4
EPS	6,247

DT thuần

Q3/25

1,451

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 131| 9.9%

YoY: ▲ 147| 11.3%

LN sau thuế

Q3/25

66.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.5| 54.5%

YoY: ▲ 19.7| 42.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

6.9%

+/- YoY: ▲ 1.2%

DT thuần

9T 2025

3,779

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 530| 16.3%

LN sau thuế

9T 2025

145

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 64.3| 79.6%

ROE

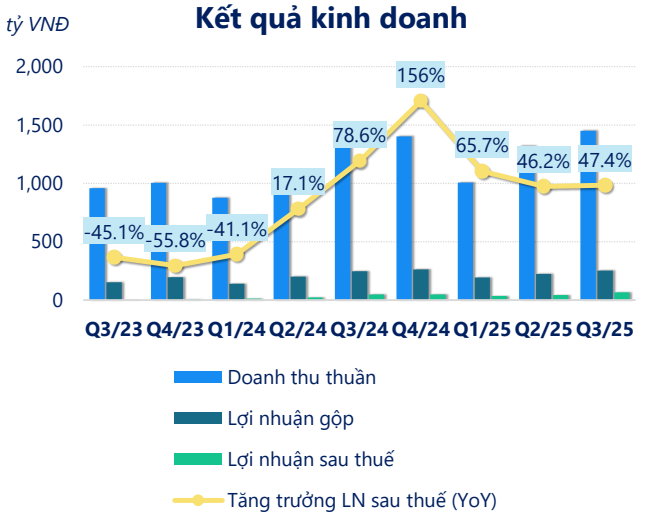
Q3/25

23.6%

+/- YoY: ▲ 10.7%

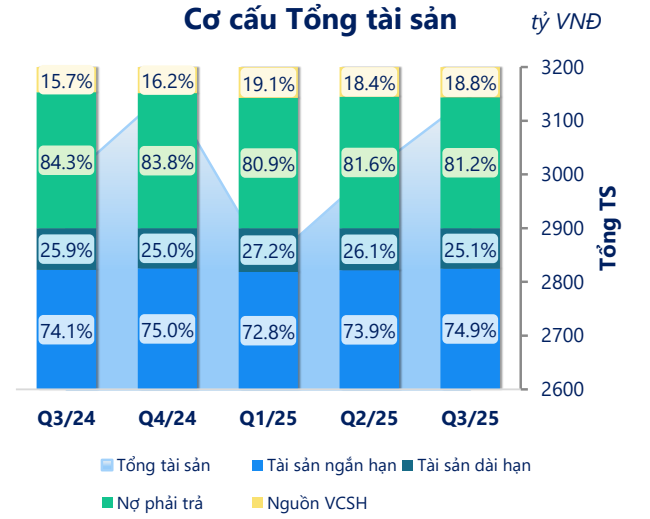
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



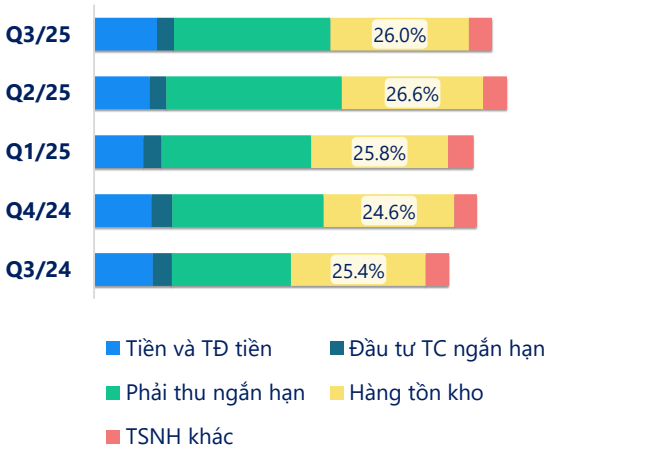
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



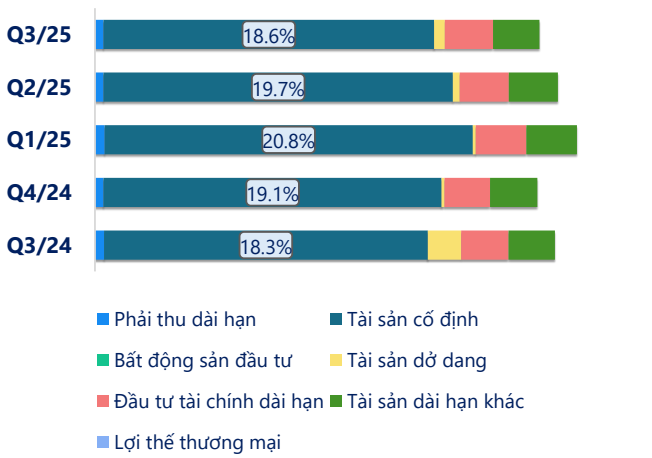
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



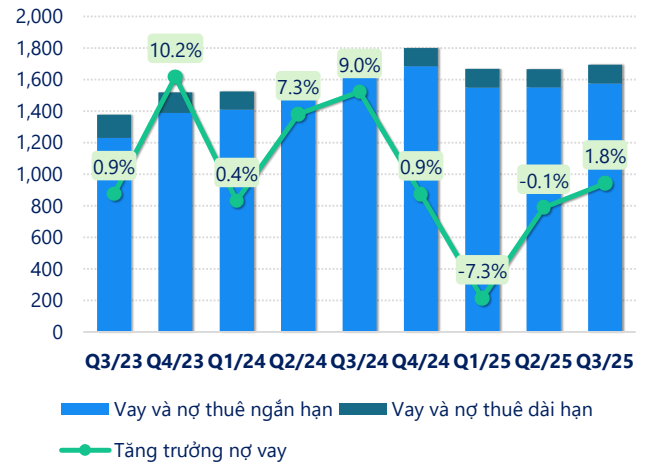
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



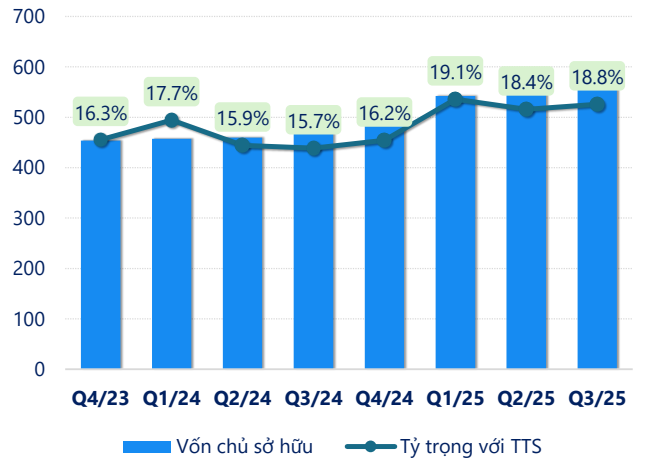
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



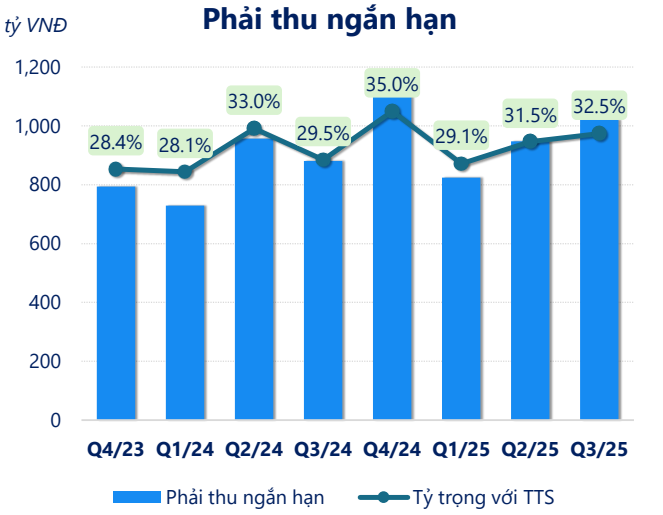
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



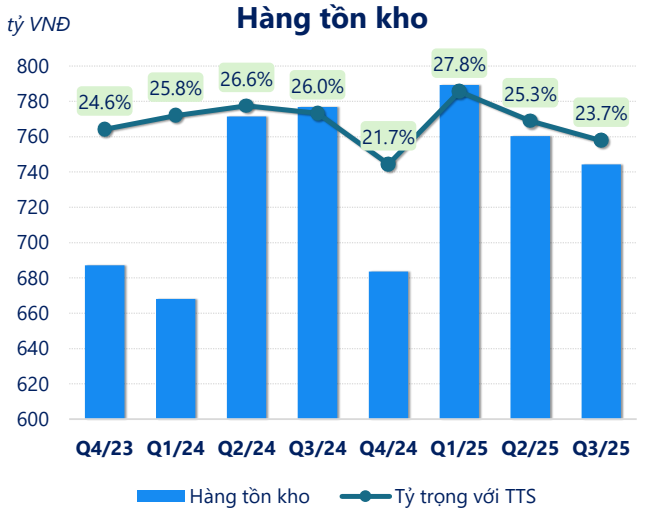
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



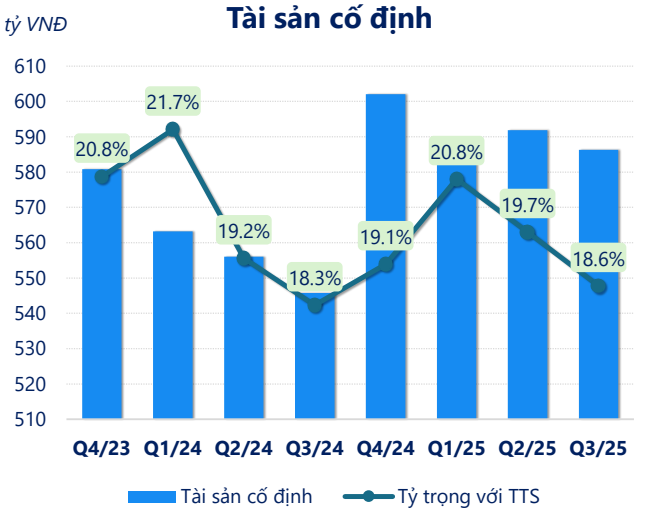
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



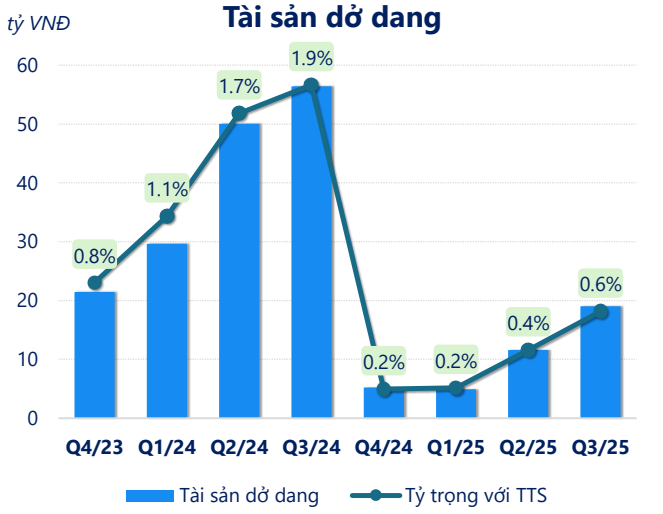
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



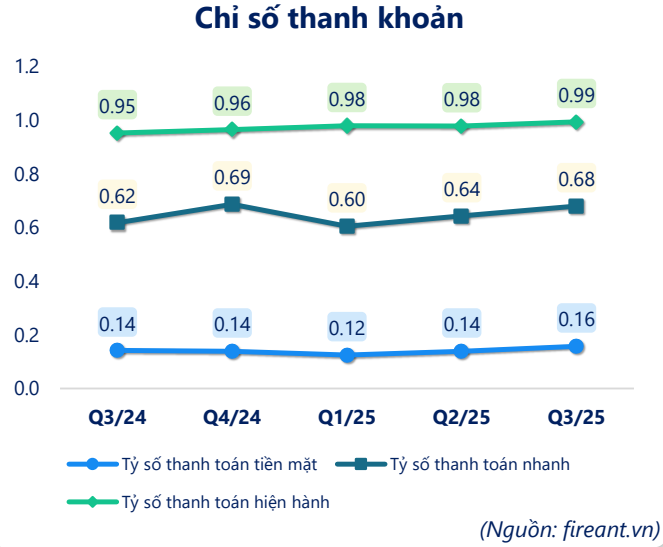
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



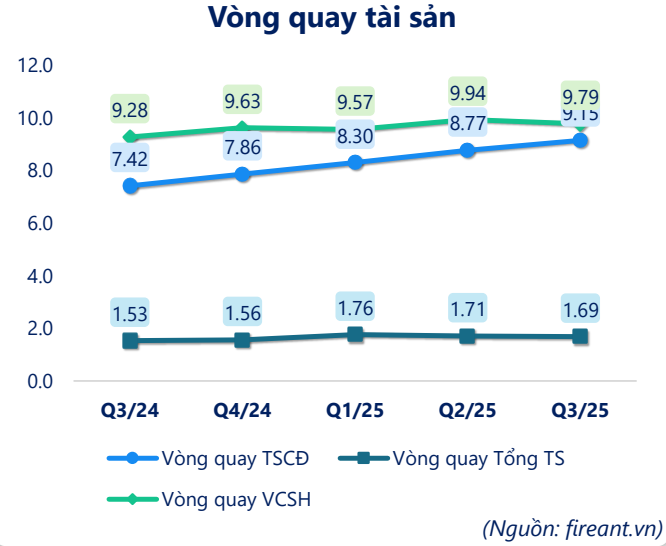
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,988**	**3,156**	**2,835**	**3,002**	**3,145**
Tài sản ngắn hạn	**2,213**	**2,368**	**2,065**	**2,218**	**2,356**
Tiền và tương đương tiền	330	340	263	314	373
Đầu tư tài chính ngắn hạn	94.0	103	92.6	106	103
Phải thu ngắn hạn	881	1,104	824	947	1,021
Hàng tồn kho	777	684	789	760	744
Tài sản ngắn hạn khác	131	138	95.4	90.8	116
Tài sản dài hạn	**775**	**787**	**771**	**784**	**788**
Phải thu dài hạn	15.3	15.3	15.4	14.5	15.3
Tài sản cố định	546	602	589	592	586
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	56.4	5.21	4.91	11.6	19.0
Đầu tư tài chính dài hạn	79.7	80.9	81.1	83.2	85.4
Tài sản dài hạn khác	78.3	84.1	80.7	82.8	82.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,520**	**2,644**	**2,293**	**2,449**	**2,554**
Nợ ngắn hạn	**2,325**	**2,455**	**2,110**	**2,269**	**2,371**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,649	1,684	1,548	1,550	1,575
Phải trả người bán ngắn hạn	265	272	262	299	329
Nợ dài hạn	196	189	183	180	183
Vay và nợ thuê dài hạn	134	115	119	115	120
Nguồn vốn chủ sở hữu	**468**	**512**	**543**	**553**	**591**
Vốn chủ sở hữu	**468**	**512**	**543**	**553**	**591**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)